TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 21/8/2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thiêm – Thẩm phán
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Văn Phước
2. Bà Trần Thị Phiến

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa*:** ông Trần Cao Lâm- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2018/TLST- HNGĐ, ngày 06/3/2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/8/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị T, sinh năm 1983 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn L Cầu 2, xã An H, huyện QP, tỉnh Thái Bình.
Bị đơn: Nguyễn Hữu L, sinh năm 1979 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp Tân T, xã An H, huyện C, Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 15/01/2018 và các lời khai tại Toà án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: chị và anh Nguyễn Hữu L chung sống với nhau năm 2012, có tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn ngày 12/3/2012 tại Uỷ ban nhân dân xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi kết hôn chị và anh L chung sống đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẩn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp với nhau nên đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Vì vậy, chị T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hữu L.

- *Về con chung:* có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Phương L, sinh ngày 05/8/2012 đang sinh sống với chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* không có.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 02 tháng 5 năm 2018 bị đơn anh Nguyễn Hữu L trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* anh với chị T tổ chức cưới và chung sống với nhau năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Hiệp, huyện Châu Thành. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do mỗi người đi làm mỗi nơi nên chị T buồn và tự ý bồng con về quê cha mẹ đẻ sinh sống cho đến nay. Do vợ chồng không đoàn tụ được nên anh L đồng ý ly hôn với chị T.

- *Về con chung:* có 01 con chung như chị T trình bày, anh L đồng ý để chị T tiếp tục nuôi con và anh L không cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: không có.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng qui định tại Điều 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56 luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T. Giao cháu Nguyễn Thị Phương L, sinh ngày 05/8/2012 cho chị T nuôi dưỡng, anh L không cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị T với anh Nguyễn Hữu L là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình qui định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết.

Tại phiên tòa vắng nguyên đơn và bị đơn: do nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung:

[1] *Về hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Hữu L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị T và anh L chung sống đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp, mỗi người đi làm mỗi nơi nên chị T và anh L đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay chị T xin ly hôn, anh L đồng ý.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh L tuy không trầm trọng nhưng thời gian anh chị sống ly thân với nhau đã lâu, hiện nay chị T đã trở về tỉnh Thái Bình để sinh sống, anh L cũng nhận thấy rằng khả năng vợ chồng đoàn tụ lại không được nên đồng ý ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T.

[2] *Về nuôi con chung:* Chị T yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Thị Phương L, sinh ngày 05/8/2012 sau khi ly hôn, anh L đồng ý.

Xét thấy, việc chị T và anh L thỏa thuận giao cháu Phương L cho chị T nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên anh L không phải cấp dưỡng .

[3] *Về tài sản chung và nợ chung:* không có.

[4] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là có căn cứ.

[5] *Về án phí:* chị T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự .

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- *Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Hữu L.

- *Về nuôi con chung:* Giao cháu Nguyễn Thị Phương L, sinh ngày 05/8/2012 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn (chị T đang nuôi con). Anh Nguyễn Hữu L không cấp dưỡng.

Chị Nguyễn Thị T và các thành viên trong gia đình của chị T không được cản trở anh L đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* không có.

- *Về án phí*: chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 02892 ngày 06/3/2018 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

- Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án.

***Nơi nhận*:**
- Tòa án ND tỉnh Đồng Tháp;
- Viện kiểm sát ND huyện C;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án DS H. C
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Thị Thiêm